

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST  
Ngày 08-01-2020  
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Sáu;  
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Đào;  
Bà Ngô Thị Oanh Kiều;
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B. Trụ sở: Tòa nhà C, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Ph, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh T. Địa chỉ: số A, đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trịnh Ngân G (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm A (nay là khóm B), thị trấn T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2018, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây được gọi là Ngân hàng B) trình bày: Ngân hàng TMCP B Chi nhánh T đã ký hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTĐ-LPB.TV ngày 09/9/2016 với anh Lâm Văn T. Với số tiền 150.000.000 đồng, mục đích cho vay là tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền. Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng với dư nợ cao nhất là 150.000.000 đồng theo khế ước số 10\*\*\*/KU-LPB.TV ngày 09/9/2016.

Trong thời gian qua từ ngày quá hạn đến nay khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn (tính đến ngày 19/8/2019 là trên 180 ngày), Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bằng văn bản yêu cầu bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng bị đơn chỉ trả được một phần nợ với số tiền là 89.635.387 đồng (trong đó: Nợ gốc 60.000.102 đồng, nợ lãi trong hạn 29.618.201 đồng, nợ lãi quá hạn 17.084 đồng). Ngày 20/9/2018 chuyển nợ quá hạn đến nay.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Lâm Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng số 10\*\*\*/HĐTD ký ngày 09/9/2016 và khế ước nhận nợ số 10\*\*\*/HĐTD ngày 09/9/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 08/01/2020 là 107.983.385 đồng (trong đó vốn gốc là 89.999.850 đồng, nợ lãi trong hạn 11.800.224 đồng, nợ lãi quá hạn 6.183.311 đồng) và phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD ký ngày 09/9/2016 và khế ước nhận nợ số 104\*\*\*/HĐTD ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán nợ hết cho Ngân hàng TMCP B.

Bị đơn anh Lâm Văn T đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Về thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng xác định đúng quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 68; Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thu thập chứng cứ đúng trình tự tại Điều 98, 99, 100 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với người tham gia tố tụng. Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất không có lý do vi phạm các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thủ tục tiến hành hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định các Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Lâm Văn T phải trả số tiền vay gốc và số tiền lãi, án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng B yêu cầu bị đơn anh Lâm Văn T trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lâm Văn T là người có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng hợp đồng tín dụng nhưng quá trình thực hiện nghĩa vụ đã thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho phía Ngân hàng B biết; quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập đến tham gia phiên tòa họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định “*2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lâm Văn T.*

[3] *Về nội dung vụ án:*

Theo hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 và khế ước nhận nợ số 10\*\*\*/KU-LPB.TV ngày 09/9/2016 thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh có cho anh Lâm Văn Tánh vay số tiền gốc 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc trong 60 kỳ, mỗi kỳ 2.500.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng;

kể từ ngày vay 09/9/2016 đến ngày 02/10/2018 thì anh Tánh có trả được một phần nợ với số tiền là 89.635.387 đồng (trong đó: Nợ gốc 60.000.102 đồng, nợ lãi trong hạn 29.618.201 đồng, nợ lãi quá hạn 17.084 đồng), dư nợ gốc đến tính đến ngày 08/01/2020 là 107.983.385 đồng (trong đó vốn gốc là 89.999.850 đồng, nợ lãi trong hạn 11.800.224 đồng, nợ lãi quá hạn 6.183.311 đồng).

Nhận thấy, việc vay nợ của các bên có lập thành Hợp đồng rõ ràng, quá trình thực hiện hợp đồng anh T có thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký và kể từ ngày 02/10/2018 thì anh T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Tại khoản 6.4, Điều 6 của Hợp đồng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 nêu rõ “*Trường hợp Bên vay không đáp ứng đủ điều kiện hoặc vi phạm cam kết tại Hợp đồng này, Bên cho vay có quyền yêu cầu Bên vay trả nợ trước hạn và/hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay khác.*”

Do đó, việc Ngân hàng B yêu cầu anh Lâm Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 08/01/2020 là 107.983.385 đồng (trong đó vốn gốc là 89.999.850 đồng, nợ lãi trong hạn 11.800.224 đồng, nợ lãi quá hạn 6.183.311 đồng). Đồng thời, yêu cầu anh Lâm Văn T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Lâm Văn T phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 92; khoản 1, Điều 147; Điều 227; Điều 184; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bị đơn anh Lâm Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 107.983.385 đồng (trong đó vốn gốc là 89.999.850 đồng, nợ lãi trong hạn 11.800.224 đồng, nợ lãi quá hạn 6.183.311 đồng).

Kể từ ngày 09/01/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 10\*\*\*/HĐTD-LPB.TV ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc anh Lâm Văn T phải chịu 5.399.169 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 2.267.000 đồng theo biên lai thu số 0019325 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

**Lý Văn Sáu**